TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;
2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 331/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2024/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị D, sinh năm 1989; thường trú: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở: Số G (số cũ 212/10) đường N, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lương Văn C, sinh năm1984; thường trú: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở: Số G (số cũ 212/10) đường N, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Lương Văn C tìm hiểu nhau khoảng 08 tháng thì tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2011 quyển số

01/2011 ngày 30/8/2011. Việc chung sống vợ chồng là tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý.

Sau khi kết hôn, chị D và anh C thuê trọ sinh sống tại số G (số C) đường N, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chung sống bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, không tìm thấy tiếng nói chung, trong cuộc sống hằng ngày không ai quan tâm đến ai. Bên cạnh đó, anh C không chăm lo kinh tế gia đình, không đóng góp tiền nuôi con và thậm chí vũ phu, đánh đập chị D nhiều lần. Nay chị D thấy vợ chồng không tiếp tục chung sống được nữa nên làm đơn xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên là Lương Trần Ngọc L, sinh ngày 03/7/2012 và Lương Trần Ngọc A, sinh ngày 24/01/2015. Sau khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu A, không yêu cầu anh C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị Trần Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trần Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Lương Văn C*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai ngày 10/11/2023, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 24/01/2024; tham gia phiên tòa vào các ngày 23/02/2024 và ngày 14/3/2024 nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị D1 và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Trần Thị D và anh Lương Văn C do Tòa án tiến hành ngày 24/10/2023, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau*: Chị D và anh C trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án chị D không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập 02 lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không

thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự:

[1.1] Chị Trần Thị D khởi kiện anh Lương Văn C yêu cầu được ly hôn, anh C hiện đang trú tại số G (số cũ 212/10) đường N, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Anh Lương Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt, chị Trần Thị D có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị D và anh C theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị D và anh Lương Văn C tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2011 quyển số 01/2011 ngày 30/8/2011 do đó quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh C là hợp pháp.

[2.2] Quá trình tố tụng, chị D xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm chia sẻ với nhau. Bên cạnh đó, anh C còn không chăm lo kinh tế gia đình, không đóng góp tiền nuôi con và thậm chí vũ phu, đánh đập chị D nhiều lần. Anh C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, coi như từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị D và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh C.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên L1 Trần Ngọc L, sinh ngày 03/7/2012 và Lương Trần Ngọc A, sinh ngày 24/01/2021.

Xét thấy, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Hai cháu L1 Trần Ngọc L và Lương Trần Ngọc A còn nhỏ, để đảm bảo cuộc sống ổn định nên cần tiếp tục giao cho chị D

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị Trần Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị D đối với bị đơn anh Lương Văn C về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn với anh Lương Văn C (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2011 quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang ngày 30/8/2011).

- Về con chung: Giao cháu L1 Trần Ngọc L, sinh ngày 03/7/2012 và cháu L1 Trần Ngọc A, sinh ngày 24/01/2015 cho chị Trần Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị D và anh C có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0006806 ngày 28/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**